

CHỨNG THƯ CHẤT LƯỢNG
INSPECTION CERTIFICATE
Số/No: 0260/2025/SP



- Tên hàng hóa: NPK CÀ MAU 18-16-8+TE
Product name: NPK CA MAU 18-16-8+TE
- Khối lượng: 630.25 tấn
Quantity: 630.25 Tons
- Thông tin sản phẩm:
 - NPK Cà Mau 18-16-8+TE bao 25Kg : 110.25 tấn
 - NPK Cà Mau 18-16-8+TE bao 50Kg : 520.00 tấn
 - NSX: 05/04/2025; HSD: 36 tháng kể từ NSX
 - Ngoại quan sản phẩm: Dạng hạt, rắn
- Xuất xứ/nơi sản xuất hàng hóa: Nhà máy Đạm Cà Mau, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Origin of goods: Ca Mau Fertilizer Plant, Khanh An Commune, U Minh District, Ca Mau Province, Viet Nam
- Địa điểm thực hiện: Nhà máy Đạm Cà Mau, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Place of inspection: Ca Mau Fertilizer Plant, Khanh An Commune, U Minh District, Ca Mau Province, Viet Nam
- Thời gian thực hiện: 28/04/2025 14:42:39
Time of inspection: 28/04/2025 14:42:39
- Giám định viên: Phan Hữu Lợi, Đại Quốc Triều
Inspector: Phan Hữu Lợi, Đại Quốc Triều
- Nội dung giám định: Theo TCCS 46:2024/PVCFC
Based on: The Standard TCCS 46:2024/PVCFC
- Kết quả phân tích mẫu:
Analysis results:

STT No	Tên chỉ tiêu Components	Phương pháp thử Testing Method	Đơn vị Unit	Tiêu chuẩn kỹ thuật Specifications	Kết quả Results	Ghi chú Note
1	Đạm tổng số (Nts)	TCVN 5815:2018	%	18	16.97	
2	Lân hữu hiệu (P2O5hh)	TCVN 8559:2010	%	16	15.31	
3	Kali hữu hiệu (K2Ohh)	TCVN 8560:2018	%	8	8.17	
4	Canxi (Ca)	TCVN 9284:2018	%	2.2	2.32	
5	Magiê (Mg)	TCVN 9285:2018	%	1.2	1.82	
6	Kẽm (Zn)	TCVN 9289:2012	ppm	500	836.67	
7	Bo (B)	TCVN 13263-8:2020	ppm	400	578.0	
8	Độ ẩm	TCVN 5815:2018	%	2	1.01	

- Kết luận: Phù hợp TCCS 46:2024/PVCFC
Conclusion: In conformity with the Standard TCCS 46:2024/PVCFC

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG NGHỆ

Manager of Process Department

Ký bởi: Nguyễn Văn Bình

Ngày ký: 05/05/2025 11:48:58

Tổ chức xác thực: PVCFC CA